

Số: 1381/QĐ-ĐHLH

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Căn cứ Quyết định 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 86/2000/QĐ-TTg ngày 18/07/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Trường đại học dân lập;

Căn cứ Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 24/07/2013 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại Học Lạc Hồng;

Căn cứ Thông tư 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ; Thông tư 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trường khoa Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho khóa tuyển sinh trình độ tiến sĩ từ năm 2015 trở đi.

Điều 3. Trường khoa Sau đại học, Trường khoa, phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, (K.SDH).

KT/ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
TS. Lâm Thành Hiền

QUY CHẾ

Đào tạo trình độ tiến sĩ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1381 /QĐ-ĐHLH, ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)*

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Lạc Hồng, bao gồm: Tuyển sinh; chương trình và tổ chức đào tạo, luận án và bảo vệ luận án; thẩm định luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Đối tượng áp dụng là Khoa Sau đại học (K.SĐH) và các Khoa chuyên môn, giảng viên, người hướng dẫn, nghiên cứu sinh (NCS),... có tham gia chương trình.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo Tiến sĩ tại Trường Đại học Lạc Hồng nhằm đào tạo những nhà khoa học, có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

Điều 3. Thời gian đào tạo và hình thức đào tạo

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ tối thiểu đối với người có bằng thạc sĩ là 03 năm; đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 04 năm. Thời gian đào tạo tối đa là 7 năm.

2. Hình thức học theo kế hoạch đào tạo của Trường.

Chương 2

TUYỂN SINH

Điều 4. Thời gian và hình thức tuyển sinh

1. Thời gian tuyển sinh: mỗi năm trường tổ chức tuyển nghiên cứu sinh từ (01) một đến (02) hai lần theo kế hoạch cụ thể do Hội đồng tuyển sinh Sau đại học Trường quyết định theo chỉ tiêu đã đăng ký và được Bộ Giáo và Đào tạo cấp phép.

2. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển.

Điều 5. Thông báo tuyển sinh

1. Chậm nhất ba tháng trước mỗi kỳ tuyển sinh, Trường ra thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Thông báo tuyển sinh được đăng tải công khai trên website của Trường Đại học Lạc Hồng (www.lhu.edu.vn) và gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua email: duatin@moet.edu.vn) để báo cáo.

3. Nội dung, kế hoạch tuyển sinh, hồ sơ dự tuyển, thời gian nhận hồ sơ, xét tuyển, công bố kết quả xét tuyển, nhập học và các yêu cầu, thông tin cần thiết đối với thí sinh trong kỳ tuyển sinh được thông báo cụ thể và tải về tại trang web của K.SDH (Phụ lục).

Điều 6. Điều kiện dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau:

1. Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại khá trở lên, ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định chi tiết các điều kiện về văn bằng, ngành học, điểm trung bình chung học tập toàn khóa ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ để được dự tuyển vào các chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở mình và nêu rõ trong thông báo tuyển sinh.

2. Có 1 bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng những nội dung gồm: Đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu; lý do chọn đề tài nghiên cứu; mục tiêu và mong muốn đạt được; lý do chọn Trường Đại học Lạc Hồng để học tập; kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; kinh nghiệm, kiến thức và sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn.

3. Có 2 thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như: Giáo sư, Phó Giáo sư, hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành; hoặc một thư giới thiệu của 1 nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và 1 thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. Những người giới thiệu này cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- a) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt là đạo đức nghề nghiệp;
- b) Năng lực hoạt động chuyên môn;
- c) Phương pháp làm việc;
- d) Khả năng nghiên cứu;
- e) Khả năng làm việc theo nhóm;
- f) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- g) Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- h) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

4. Về ngoại ngữ:

4.1 Người dự tuyển phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ sau đây:

a) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp (Phụ lục);

b) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;

c) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

4.2 Căn cứ yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, Hiệu trưởng Trường quy định ngoại ngữ đối với từng chuyên ngành

5. Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm), hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

6. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của nhà trường (đóng học phí; hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).

7. Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định tại Thông tư liên Bộ Y tế - Đại học, THCN và DN số 10/TT-LB ngày 18/8/1989 của Bộ Y Tế - Bộ Đại học, THCN và Dạy nghề và công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/8/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 7. Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh trên cơ sở đề nghị của K.SDH.

Thành phần của Hội đồng tuyển sinh bao gồm: Chủ tịch/ Phó Chủ tịch, ủy viên thường trực và các ủy viên khác:

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền;

b) Ủy viên thường trực: Trưởng khoa hoặc Phó Trưởng khoa K.SDH;

c) Các ủy viên khác: Trưởng khoa đào tạo chuyên ngành có thí sinh đăng ký dự tuyển (gọi chung là Khoa chuyên môn) và các Trưởng đơn vị có liên quan trực thuộc Trường.

Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không được tham gia hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: Hội đồng tuyển sinh sau khi có quyết định thành lập sẽ tiến hành: thực hiện thông báo tuyển sinh; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật; báo cáo kết quả công tác tuyển sinh cho Trường và Bộ giáo dục và Đào tạo.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

a) Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh;

b) Quyết định và chịu trách nhiệm toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, và có trách nhiệm trước xã hội nhằm chọn được các thí sinh có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của Trường;

c) Quyết định thành lập các Ban và các Tiểu Ban chuyên môn giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh. Các Ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

Điều 8. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có:

a) Trưởng ban do ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm;

b) Các ủy viên (gồm các chuyên viên K.SĐH và các cán bộ - giảng viên được Trường huy động).

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm:

a) Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển;

b) Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển;

c) Tổ chức cho NCS trình bày bài luận dự định nghiên cứu trước Tiểu ban chuyên môn;

d) Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;

e) Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho tất cả các thí sinh dự tuyển.

3. Trách nhiệm của Trưởng Ban Thư ký

Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

Điều 9. Tiểu ban chuyên môn

1. Căn cứ hồ sơ đăng ký dự tuyển NCS, Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh tổng hợp hồ sơ và gửi cho các Khoa/Bộ phận chuyên môn. Khoa/Bộ phận chuyên môn đề xuất các thành viên của Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS chuyển Ban thư ký tham mưu cho Hiệu trưởng ra quyết định.

2. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh có ít nhất 5 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là giảng viên trong Trường hoặc ngoài Trường. Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng tiểu ban và các Thành viên tiểu ban.

3. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét, đánh giá hồ sơ dự tuyển, bài luận về dự định nghiên cứu và việc trình bày đề cương nghiên cứu, trao đổi về dự định nghiên cứu của thí sinh, xếp loại thí sinh dự tuyển theo điểm đánh giá, gửi kết quả cho Ban thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

Điều 10. Quy trình xét tuyển NCS

1. Tiểu ban chuyên môn đánh giá thí sinh dự tuyển thông qua đánh giá hồ sơ dự tuyển, trình độ ngoại ngữ, kết quả học tập, thành tích nghiên cứu khoa học, chất lượng bài luận dự định nghiên cứu, đánh giá phần trình bày và trả lời câu hỏi của thí sinh theo thang điểm và trình tự đánh giá xét tuyển NCS (Phụ lục).

2. Thí sinh trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh. Yêu cầu đối với bài luận dự định nghiên cứu được quy định tại Phụ lục. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đánh giá về nội dung này. Tiểu ban chuyên môn phải có văn bản nhận xét, đánh giá phân loại thí sinh, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và gửi toàn bộ phiếu đánh giá, biên bản tổng hợp cho Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh theo Phụ lục 5 và Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm tổng hợp kết quả đánh giá của các tiểu ban chuyên môn, báo cáo cho Hội đồng tuyển sinh.

3. Căn cứ kết quả đánh giá của tiểu ban chuyên môn và chỉ tiêu tuyển sinh phân bổ cho các chuyên ngành, Hội đồng tuyển sinh quy định nguyên tắc xét tuyển và xác định danh sách trúng tuyển theo chỉ tiêu được giao, trình Hiệu trưởng quyết định.

Điều 11. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

1. Căn cứ danh sách trúng tuyển đã được Hiệu trưởng phê duyệt, K.SĐH gửi giấy gọi nhập học đến các thí sinh được tuyển chọn.

2. Sau khi đăng ký nhập học chính thức, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận NCS, đề tài nghiên cứu, chuyên ngành, người hướng dẫn NCS và thời gian đào tạo.

Chương 3

CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 12. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo tiến sĩ nhằm giúp nghiên cứu sinh nâng cao và hoàn chỉnh kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; có kiến thức rộng về các ngành liên quan; hỗ trợ nghiên cứu sinh rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết. Nội dung chương trình hỗ trợ NCS tự học những kiến thức nền tảng, vững chắc về học thuyết và lý luận của ngành, chuyên ngành; các kiến thức có tính ứng dụng của chuyên ngành; phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu,

phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu trước các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

2. Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học được phân công hướng dẫn NCS; chú trọng rèn luyện nghiên cứu khoa học, phát hiện tư duy sáng tạo trong phát triển, giải quyết vấn đề chuyên môn.

3. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ gồm ba phần:

a) Phần 1: Các học phần bổ sung;

b) Phần 2:

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ;

- Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ;

c) Phần 3: Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ.

Điều 13. Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung kiến thức chung là các học phần giúp nghiên cứu sinh đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của NCS đối với chuyên ngành đã đăng ký.

1. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương đương, được học trong hai năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm các môn học của chương trình thạc sĩ có khối lượng từ 27 đến 36 tín chỉ (chưa kể môn Triết học và Ngoại ngữ).

2. Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ của trường nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp thì căn cứ chương trình đào tạo thạc sĩ hiện hành, Hiệu trưởng quyết định các học phần nghiên cứu sinh học bổ sung theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo.

3. Hiệu trưởng quyết định các học phần bổ sung và khối lượng tín chỉ NCS cần học bổ sung

Điều 14. Các học phần ở trình độ tiến sĩ

1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi học phần được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 3 tín chỉ. Mỗi

nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 3 đến 5 học phần với khối lượng từ 8 đến 12 tín chỉ thuộc trình độ tiến sĩ.

2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần lựa chọn, trong đó các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của chuyên ngành. Các học phần lựa chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài nghiên cứu sinh hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học.

Điều 15. Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ

1. Mỗi nghiên cứu sinh phải thực hiện một bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình khoa học được công bố trong và ngoài nước. Nghiên cứu sinh cần nêu ra những vấn đề tồn tại và từ đó chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

2. Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

a) Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 02 đến 03 chuyên đề với khối lượng tổng từ 4 đến 6 tín chỉ.

b) Nghiên cứu sinh có thể bảo vệ đồng thời tiểu luận tổng quan và các chuyên đề.

3. Việc đánh giá nhóm chuyên đề tiến sĩ được thực hiện bằng cách NCS trình bày trước Tiểu ban chấm chuyên đề do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập. Tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ gồm 03 thành viên có học vị tiến sĩ hoặc PGS hoặc GS am hiểu các vấn đề được đề cập trong chuyên đề gồm: Trưởng tiểu ban, thư ký tiểu ban, Ủy viên (người hướng dẫn khoa học).

4. Một chuyên đề được coi là đạt nếu điểm trung bình của chuyên đề đạt từ 5 điểm trở lên.

Điều 16. Nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu khoa học là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ. Việc nghiên cứu khoa học phải đảm bảo yêu cầu suy luận khoa học hoặc thiết kế giải pháp mà NCS đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Nhà trường và người hướng dẫn khoa học có trách nhiệm tổ chức, bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm và đội ngũ cán bộ nghiên cứu hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện các hoạt động nghiên cứu. Bộ phận chuyên môn, người hướng dẫn khoa học và nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

3. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lý do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến thì để đảm bảo chất lượng luận án nghiên cứu sinh được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu. Các chi phí đào tạo trong thời gian kéo dài do nghiên cứu sinh hoặc do đơn vị cử đi học chi trả.

Điều 17. Luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội.

Điều 18. Tổ chức giảng dạy

1. Khi tiếp nhận NCS, căn cứ vào trình độ của từng NCS, văn bằng NCS đã có, các học phần NCS đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ (nếu có), người hướng dẫn NCS và K.SDH sẽ đề xuất các học phần bổ sung cần thiết ở trình độ đại học, thạc sĩ; các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ sao cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận án của NCS, trình BGH phê duyệt. K.SDH xây dựng kế hoạch học tập và thông báo cho NCS thực hiện.

2. Đối với các học phần bổ sung ở trình độ thạc sĩ, NCS phải theo học cùng các lớp đào tạo trình độ tương đương của nhà trường hoặc cơ sở đào tạo khác do nhà trường gửi đến học. Đối với các học phần ở trình độ tiến sĩ do nhà trường tổ chức thực hiện.

3. NCS phải hoàn thành các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ trong thời gian tối đa là 24 tháng kể từ ngày ký Quyết định công nhận NCS.

4. NCS có học phần, chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu theo quy định của nhà trường sẽ không được tiếp tục làm NCS. Người chưa có bằng

thạc sĩ có thể chuyển sang học và hoàn thành chương trình thạc sĩ để được cấp bằng nếu được nhà trường hoặc một cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ chấp nhận.

5. Hiệu trưởng quy định cụ thể việc tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh; điều kiện để nghiên cứu sinh được tiếp tục đào tạo khi kết thúc các học phần và tiểu luận tổng quan.

6. Hằng năm NCS phải báo cáo tiến độ học tập gửi về K.SDH có xác nhận giảng viên hướng dẫn. Khoa SDH rà soát, tham mưu cho Hiệu trưởng ra quyết định gia hạn học tập hoặc đình chỉ học tập của NCS theo quy định.

Điều 19. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận án

Trước khi bảo vệ luận án, nghiên cứu sinh phải có một trong các văn bằng chứng chỉ sau đây về ngoại ngữ:

1. Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ (Phụ lục III), trong thời hạn 01 năm tính đến ngày trình hồ sơ bảo vệ luận án cấp cơ sở, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước được đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B2 quy định tại Phụ lục IIIa, với dạng thức và yêu cầu đề kiểm tra ngoại ngữ quy định tại Phụ lục IIIb của Thông tư 05/2012/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Có một trong các văn bằng quy định tại điểm b,c khoản 2 Điều 9 của Thông tư 05/2012/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 20. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Thay đổi hoặc điều chỉnh đề tài luận án

a) Việc thay đổi hoặc điều chỉnh đề tài luận án chỉ thực hiện trong 1/2 đầu của thời gian đào tạo;

b) Hiệu trưởng ra quyết định cho phép NCS thay đổi đề tài luận án căn cứ đề nghị của NCS, có ý kiến GVHD và Khoa Sau đại học.

2. Thay đổi người hướng dẫn

a) Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn khoa học được thực hiện chậm nhất một năm trước khi NCS bảo vệ luận án cấp cơ sở;

b) Hiệu trưởng ra Quyết định cho phép NCS được bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn khoa học căn cứ đề nghị của NCS, có ý kiến của Khoa SDH.

3. Chuyển cơ sở đào tạo của NCS

a) Từ Trường Đại học Lạc Hồng chuyển đến cơ sở đào tạo khác nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có lý do chính đáng về việc chuyển trường;
- Thời hạn học tập theo quy định còn ít nhất 1 năm;
- Được Trường ĐHLH đồng ý và cơ sở đào tạo nơi chuyển đến đồng ý tiếp nhận.

b) Từ cơ sở đào tạo khác chuyển đến trường Đại học Lạc Hồng nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có lý do chính đáng về việc chuyển trường;
- Chuyên ngành đào tạo của NCS nơi chuyển đi phù hợp với chuyên ngành đào tạo của Trường;
- Đảm bảo các điều kiện về học tập và các điều kiện khác theo quy định của Trường;
- Thời hạn học tập theo quy định của cơ sở đào tạo xin chuyển đi còn ít nhất 1 năm;
- Được cơ sở đào tạo xin chuyển đi đồng ý; được Trường ĐHLH chấp nhận
- Trường ĐHLH sẽ quyết định các học phần học chuyên đề tiến sĩ mà NCS chuyển đến cần bổ sung (nếu có).

4. Hoàn thành chương trình đúng thời hạn và trước thời hạn

Nghiên cứu sinh được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu trong thời gian quy định, luận án đã được thông qua ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở;

5. Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho phép bảo vệ luận án trước thời hạn khi NCS hoàn thành chương trình đào tạo, đáp ứng các điều kiện để được bảo vệ luận án quy định tại Điều 29 của Quy chế này.

6. Gia hạn thời gian đào tạo

a) Nếu nghiên cứu sinh chưa hoàn thành luận án đúng thời hạn quy định ở Điều 3, thì chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn phải làm đơn xin phép gia hạn học tập có ý kiến của đơn vị cử đi học (nếu có);

b) Việc gia hạn học tập chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng với các điều kiện đảm bảo trong phạm vi thời gian gia hạn NCS hoàn thành được nhiệm vụ học tập, nghiên cứu;

c) NCS có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo quy định của nhà trường;

d) Thời gian gia hạn tối đa là 2 năm (24 tháng) tính từ khi hết thời gian đào tạo tối thiểu là 3 năm. Đối với NCS không tập trung, khi được gia hạn phải làm việc tập trung tại nhà trường để hoàn thành luận án trong thời gian được gia hạn;

đ) Khi NCS hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn nếu có) hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo (kể cả khi NCS bảo vệ sớm trước thời hạn), Trường có văn bản thông báo cho đơn vị cử NCS đi học biết và có đánh giá về kết quả nghiên cứu và thái độ của NCS trong quá trình học tập tại nhà trường;

e) Sau khi hết thời gian đào tạo, nếu chưa hoàn thành luận án, nghiên cứu sinh vẫn có thể tiếp tục thực hiện đề tài luận án và trở lại cơ sở đào tạo trình luận án để bảo vệ nếu đề tài luận án và các kết quả nghiên cứu vẫn đảm bảo tính thời sự, được người hướng dẫn và Hiệu Trường cho phép. Thời gian tối đa cho phép trình luận án để bảo vệ là 7 năm. Quá thời gian này NCS không được bảo vệ luận án và các kết quả học tập không được bảo lưu.

7. Dừng đào tạo NCS nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) NCS không đủ điều kiện học tập, nghiên cứu theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 hoặc NCS chưa hoàn thành luận án tiến sĩ trong thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn). Trong trường hợp này, căn cứ kết quả của Hội đồng xét tiến độ học tập của NCS, Khoa SDH trình Hiệu trưởng ra quyết định dừng đào tạo NCS;

b) NCS không thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 24. Trong trường hợp này GVHD đề nghị, và K.SDH đề xuất Hiệu trưởng ra quyết định dừng học tập.

8. Tiếp nhận NCS trở lại bảo vệ luận án

Sau khi hết thời gian đào tạo, kể cả thời gian gia hạn nếu NCS chưa hoàn thành luận án, NCS vẫn có thể tiếp tục thực hiện đề tài luận án và trở lại trường trình luận án nếu đủ các điều kiện sau:

a) Đã hoàn thành các học phần và các chuyên đề tiến sĩ trong thời gian đào tạo;

b) Đề tài luận án và các kết quả nghiên cứu vẫn còn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học; được người hướng dẫn, và Hiệu trưởng đồng ý;

c) Còn trong thời gian tối đa cho phép trình luận án để bảo vệ là 7 năm (84 tháng) kể từ ngày có Quyết định công nhận NCS;

d) NCS có nhiệm vụ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của trường cho đến ngày bảo vệ xong luận án.

Sau khi nhận được hồ sơ xin tiếp nhận lại NCS, Khoa SĐH trình Hiệu trưởng ra Quyết định tiếp nhận. Quy trình và thủ tục bảo vệ luận án thực hiện theo Điều 27 và 28 Quy định này.

Chương 4

QUY ĐỊNH VỀ GIẢNG VIÊN, NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC, TRÁCH NHIỆM CỦA NCS VÀ ĐƠN VỊ THAM GIA ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

Điều 21. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có phẩm chất chính trị, đạo đức và tư cách tốt.
2. Có bằng tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc chức danh phó giáo sư, giáo sư ở chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.
3. Có năng lực chuyên môn tốt và hiện đang hoạt động nghiên cứu khoa học, thể hiện ở các bài báo, công trình được công bố trước và trong thời gian tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 22. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn NCS phải có các tiêu chuẩn quy định tại Điều 21 của Quy chế này và các tiêu chuẩn sau:

- a) Có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ. Nếu có bằng tiến sĩ nhưng chưa có chức danh khoa học thì phải sau khi nhận bằng tiến sĩ tròn 3 năm trở lên;
- b) Có các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học công bố trong 5 năm trở lại đây;
- c) Có tên trong danh sách K.SĐH giới thiệu hướng dẫn NCS, trong lĩnh vực và hướng nghiên cứu dự định nhận NCS vào năm tuyển sinh;
- d) Có khả năng đặt vấn đề và hướng dẫn nghiên cứu sinh giải quyết vấn đề khoa học đã đặt ra;

đ) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu chuyên ngành và trao đổi khoa học quốc tế;

e) Có trách nhiệm cao để thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn NCS;

g) Hiện không trong thời gian phải tạm dừng nhận nghiên cứu sinh mới theo mục h điều này;

h) Trong 5 năm từ khi được giao hướng dẫn mà người hướng dẫn có từ 02 NCS không hoàn thành luận án vì lý do chuyên môn thì sẽ không được giao HD NCS mới trong thời gian ít nhất 01 năm. Nếu có 3 NCS không hoàn thành mà không có lý do chính đáng thì người hướng dẫn không được nhận thêm NCS trong thời gian ít nhất 02 năm.

2. Định mức hướng dẫn NCS

a) Mỗi người hướng dẫn không được nhận quá 2 NCS được tuyển trong 1 năm ở tất cả các cơ sở đào tạo. Giáo sư được hướng dẫn cùng lúc không quá 5 NCS, phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học được hướng dẫn cùng lúc không quá 4 NCS, tiến sĩ được hướng dẫn cùng lúc không quá 3 NCS ở tất cả các cơ sở đào tạo mà người đó được mời hướng dẫn, kể cả đồng hướng dẫn và kể cả NCS đã hết hạn đào tạo nhưng còn trong thời gian được phép trở lại trường xin bảo vệ luận án (7 năm kể từ ngày ký Quyết định công nhận NCS);

b) Mỗi NCS có một hoặc hai cùng người hướng dẫn. Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị, có nhiều kinh nghiệm trong hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể độc lập hướng dẫn nghiên cứu sinh nếu được trường chấp thuận;

c) Khuyến khích các Khoa đào tạo mời các nhà khoa học là người Việt ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này tham gia hướng dẫn NCS tại trường;

d) Trong trường hợp NCS có hai người hướng dẫn: Người hướng dẫn thứ nhất (người hướng dẫn chính) chịu trách nhiệm toàn bộ về các vấn đề chuyên môn của luận án. Người hướng dẫn thứ hai hỗ trợ người hướng dẫn thứ nhất giúp NCS hoàn thành nhiệm vụ, chịu trách nhiệm về giám sát tiến độ của NCS và một số nội dung cụ thể được người hướng dẫn thứ nhất yêu cầu.

Điều 23. Nhiệm vụ của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Duyệt kế hoạch học tập và nghiên cứu của NCS.

2. Xác định các chuyên đề tiến sĩ cho NCS và đề xuất với K.SĐH để trình Hiệu trưởng quyết định.

3. Lên kế hoạch tháng, quý, năm làm việc với NCS. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc NCS học tập và thực hiện đề tài luận án, tham gia hội nghị khoa học, duyệt và giúp nghiên cứu sinh công bố kết quả nghiên cứu.

4. Giúp đỡ NCS chuẩn bị báo cáo chuyên đề theo lịch thông báo của Trường; chuẩn bị bài giảng, tài liệu giảng dạy để tham gia giảng dạy, trợ giảng; hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học.

5. Có nhận xét về tình hình học tập, nghiên cứu, tiến độ đạt được của NCS trong báo cáo định kỳ của NCS gửi KSĐH.

6. Duyệt luận án của NCS, xác nhận các kết quả đã đạt được và đề nghị cho NCS bảo vệ, nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Hiệu trưởng.

Điều 24. Trách nhiệm của nghiên cứu sinh

1. Trong quá trình đào tạo, nghiên cứu sinh là thành viên chính thức của khoa đào tạo, có trách nhiệm báo cáo kế hoạch để thực hiện chương trình học tập, nghiên cứu và đề cương nghiên cứu với Khoa đào tạo.

2. Trong quá trình học tập và thực hiện đề tài luận án, nghiên cứu sinh phải thường xuyên gặp gỡ xin ý kiến và trao đổi chuyên môn với người hướng dẫn theo kế hoạch và lịch đã định, tối thiểu 1 lần/tháng.

3. Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt khoa học có liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu của NCS do Khoa và trường tổ chức.

4. Viết ít nhất hai bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học có phản biện độc lập. Các tạp chí đăng phải nằm trong danh mục các tạp chí được tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước.

5. Báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu của mình với người hướng dẫn và Khoa đào tạo theo lịch quy định, ít nhất 2 lần một năm.

6. Trong quá trình học tập, nghiên cứu sinh phải dành thời gian tham gia vào các hoạt động chuyên môn, trợ giảng, nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên thực tập hoặc nghiên cứu khoa học tại Trường theo sự phân công của bộ phận chuyên môn.

7. Vào đầu năm học, NCS phải nộp cho K.SĐH báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu của mình bao gồm: những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành; kết quả nghiên

cứu, tình hình công bố kết quả nghiên cứu; đề cương nghiên cứu chi tiết, kế hoạch học tập, nghiên cứu của mình trong năm học mới để bộ phận chuyên môn xem xét đánh giá.

8. NCS không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ trực tiếp hoặc gặp gỡ với các thành viên Hội đồng cấp trường trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng hay lấy các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng.

Điều 25. Trách nhiệm của Khoa chuyên môn

1. Phối hợp với K.SĐH xem xét và tham gia Hội đồng khoa học cấp Khoa trình Hiệu trưởng quyết định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; các chuyên đề tiến sĩ.

2. Phối hợp với K.SĐH tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho giảng viên và NCS, ít nhất ba tháng một lần, để nghiên cứu sinh báo cáo kết quả nghiên cứu; phân công nghiên cứu sinh giảng dạy; hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học (nếu có).

3. Đề xuất bổ sung cập nhật danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập bên cạnh danh mục tạp chí gợi ý của Trường để nghiên cứu sinh phải gửi công bố kết quả nghiên cứu của mình trong cũng như ngoài nước.

4. Phối hợp với K.SĐH đề nghị thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn.

5. Phối hợp với K.SĐH dự kiến các thành viên của Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS, góp ý đề cương, chấm chuyên đề tiến sĩ và Hội đồng đánh giá cấp cơ sở và cấp trường cho NCS, để K.SĐH trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập.

6. Phối hợp với K.SĐH dự kiến danh sách các tổ chức, đơn vị và cá nhân để gửi nhận xét tóm tắt luận án tiến sĩ của NCS.

7. Phối hợp với K.SĐH xem xét thông qua hoặc hoãn lại việc đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp trường.

Điều 26. Trách nhiệm của Khoa Sau đại học

1. Tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng và ban hành quy định chi tiết của cơ sở đào tạo về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý nghiên cứu sinh, về luận án, bảo vệ luận án, cấp bằng tiến sĩ và các hoạt động liên quan đến quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của cơ sở đào tạo theo từng chuyên ngành đào tạo và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Phối hợp với Khoa chuyên môn xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy đối với các chuyên ngành được phép đào tạo; lập hồ sơ gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo đăng ký chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ;

Phối hợp với phòng Nghiên cứu khoa học phê duyệt danh mục các tạp chí khoa học uy tín, có phản biện độc lập mà nghiên cứu sinh phải gửi công bố kết quả nghiên cứu theo từng chuyên ngành đào tạo và hướng dẫn nghiên cứu sinh thủ tục, quy trình gửi bài cho các tạp chí trong nước và tạp chí nước ngoài.

4. Tổ chức tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu đã được xác định và theo quy định tại Chương 3 của Quy định này.

5. Ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, đề tài nghiên cứu, chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh; quyết định xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo nghiên cứu sinh như thay đổi đề tài, người hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho nghiên cứu sinh.

6. Tổ chức đào tạo theo chương trình đào tạo đã được duyệt. Tạo điều kiện để nghiên cứu sinh được đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học quốc tế ở nước ngoài.

7. Phối hợp với các đơn vị liên quan cung cấp cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho việc học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh như đối với cán bộ khoa học kỹ thuật của cơ sở đào tạo.

8. Tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo quy định của Quy chế này. Đảm bảo đủ nhân lực có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ tốt để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ việc bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh.

9. Quản lý quá trình đào tạo, học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh; quản lý việc thi và cấp chứng chỉ các học phần, bảng điểm học tập; cấp giấy chứng nhận cho nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo, đã bảo vệ luận án tiến sĩ trong thời gian thẩm định luận án; cấp bằng tiến sĩ và quản lý việc cấp bằng tiến sĩ theo quy định hiện hành.

10. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học thường niên; các hội thảo khoa học quốc tế theo điều kiện thực tế của Trường.

11. Xây dựng trang web và công bố công khai, cập nhật và duy trì trên trang web

toàn văn luận án, tóm tắt luận án, những điểm mới của từng luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) từ khi chuẩn bị bảo vệ; danh sách nghiên cứu sinh hàng năm; các đề tài nghiên cứu đang thực hiện; danh sách nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ.

12. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

a) Sau kỳ tuyển sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình và kết quả tuyển sinh, các quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển (Phụ lục 7);

b) Tháng 10 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo tiến sĩ của Trường, những thay đổi về nghiên cứu sinh trong năm, xác định chỉ tiêu và kế hoạch tuyển nghiên cứu sinh năm sau (Phụ lục 8);

c) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách trích ngang nghiên cứu sinh bảo vệ trong hai tháng vừa qua (Phụ lục 9).

d) Trước ngày 30/6 và 31/12 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình cấp bằng tiến sĩ của cơ sở đào tạo. Hồ sơ báo cáo gồm:

- Báo cáo tổng quan tình hình cấp bằng tiến sĩ của cơ sở đào tạo trong thời gian từ sau lần báo cáo trước;

- Danh sách nghiên cứu sinh được cấp bằng;

- Bản sao quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo và bảo vệ luận án đạt yêu cầu quy định;

- Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh có tên trong danh sách cấp bằng.

đ) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, hồ sơ bảo vệ luận án các cấp, hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ, quyết định cấp bằng tiến sĩ, sổ gốc cấp văn bằng tốt nghiệp là tài liệu được lưu trữ, bảo quản vĩnh viễn tại cơ sở đào tạo. Tài liệu tuyển sinh, đào tạo và các tài liệu khác được lưu trữ, bảo quản trong thời hạn 5 năm sau khi người học tốt nghiệp. Các bài thi học phần, báo cáo chuyên đề, tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh được bảo quản và lưu trữ đến khi nghiên cứu sinh tốt nghiệp. Việc tiêu hủy tài liệu hết giá trị sử dụng được thực hiện theo quy định hiện hành.

13. Đăng ký kiểm định chất lượng đào tạo với cơ quan có thẩm quyền.

Chương 5

LUẬN ÁN VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 27. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

Yêu cầu về nội dung luận án tiến sĩ

1. Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết nghiên cứu mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và kiểm định/chứng minh được những tài liệu mới hay thông qua nghiên cứu thực nghiệm. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình. Khuyến khích nghiên cứu sinh viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

2. Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần và chương sau:

- Phần mở đầu: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

- Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

- Nội dung, kết quả nghiên cứu (một hoặc nhiều chương): trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và bàn luận.

- Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

- Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;

- Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;

- Phụ lục (nếu có).

3. Những yêu cầu khác đối với luận án tiến sĩ:

a) Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ;

b) Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với cơ sở đào tạo các văn bản của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ lấy bằng tiến sĩ;

c) Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ;

d) Danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái họ tên tác giả theo thông lệ quốc tế. Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án;

e) Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải được báo cáo tại các hội nghị khoa học chuyên ngành; được công bố ít nhất trong hai bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước tính điểm, có trong danh mục các tạp chí khoa học mà cơ sở đào tạo quy định cho mỗi chuyên ngành đào tạo. Khuyến khích nghiên cứu sinh đăng bài trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín được liệt kê tại địa chỉ <http://science.thomsonreuters.com/mjl/> hoặc kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế do một Nhà xuất bản quốc tế có uy tín ấn hành.

f) Quy định cụ thể cách trình bày luận án theo từng chuyên ngành đảm bảo luận án được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, không tẩy xóa.

Điều 28. Đánh giá và bảo vệ luận án

Luận án tiến sĩ được tiến hành qua hai cấp theo trình tự:

- a) Cấp cơ sở; (chuyên môn)
- b) Cấp trường.

Điều 29. Đánh giá luận án cấp cơ sở

1. Điều kiện để NCS được đề nghị bảo vệ luận án cấp cơ sở:

- a) Đã hoàn thành luận án và chương trình học tập quy định;
- b) Luận án đáp ứng các yêu cầu của Quy định này;
- c) NCS đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ;

d) Người hướng dẫn khoa học có văn bản khẳng định chất lượng luận án; nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của NCS và đề nghị cho NCS được bảo vệ luận án;

đ) Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án đã được công bố ít nhất trong 2 bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành theo danh mục mà trường đã quy định;

- e) NCS hiện không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- 2. Hồ sơ đăng ký bảo vệ cấp cơ sở thực hiện theo Phụ lục 11;
- 3. Thành lập Hội đồng đánh giá cấp cơ sở

Sau khi NCS đáp ứng đầy đủ các điều kiện và đã nộp hồ sơ đăng ký bảo vệ luận án cấp cơ sở. Trên cơ sở đề xuất của Khoa chuyên môn, K.SĐH tham mưu cho Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cơ sở gồm 7 thành viên, trong đó có ít nhất 2 nhà khoa học ở ngoài trường.

Yêu cầu về thành viên tham gia Hội đồng:

- a) Có chức danh khoa học hoặc TSKH hoặc tiến sĩ, và am hiểu về lĩnh vực đề tài nghiên cứu;
- b) Hội đồng gồm: Chủ tịch, Thư ký, hai phản biện và ba ủy viên, trong đó có một giảng viên hướng dẫn tham gia với tư cách Ủy viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng được ghi trong quyết định do Hiệu trưởng ký;
- c) Thành viên Hội đồng vắng mặt không có lý do chính đáng sẽ không được mời tham gia Hội đồng tiếp theo trong thời gian một năm.

4. Điều kiện tổ chức Hội đồng đánh giá cấp cơ sở;

a) Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước ngày tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án ít nhất 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét bằng văn bản trước khi dự phiên họp Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở. Bản nhận xét của thành viên Hội đồng phải có các nội dung theo quy định tại Mục b, Khoản 1, Điều 31.

b) Có đầy đủ tất cả các nhận xét của thành viên Hội đồng.

c) Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

5. Yêu cầu về các phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở:

a) Phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở là một buổi sinh hoạt khoa học của đơn vị chuyên môn, được tổ chức để các thành viên đơn vị chuyên môn và những người quan tâm có thể tham dự;

b) Các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở phải có nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu NCS sửa chữa, bổ sung;

c) Trước khi luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp trường, Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở tổ chức từ một đến nhiều phiên họp khi luận án vẫn còn những điểm cần sửa chữa, bổ sung;

d) Luận án chỉ được thông qua để đưa ra bảo vệ ở Hội đồng cấp trường khi đã được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp trước của Hội đồng và được từ ba phần tư số thành viên Hội đồng cấp cơ sở có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành;

đ) Việc đánh giá luận án phải tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của NCS.

6. Quy trình tiến hành các phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở theo Phụ lục 12.

Điều 30. Hồ sơ đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp trường

1. Trên cơ sở ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá LA cấp cơ sở, trong thời gian tối đa 6 tháng kể từ ngày phiên họp cuối cùng của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, NCS nộp hồ sơ đăng ký bảo vệ luận án cấp trường. Trường Khoa Sau đại học lập hồ sơ gửi Hiệu trưởng đề nghị cho NCS bảo vệ LA cấp trường. Quá thời hạn 6 tháng, NCS phải bảo vệ lại luận án cấp cơ sở.

2. Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh

a) Phiếu đăng ký bảo vệ luận án cấp trường;

b) Luận án và tóm tắt luận án (bìa mềm, gáy lò xo);

c) Trang thông tin về những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh). Nội dung gồm: tên luận án; tên chuyên ngành và mã số; tên nghiên cứu sinh và khóa đào tạo; chức danh khoa học, học vị, tên người hướng dẫn; nội dung ngắn gọn những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, những luận điểm mới

rút ra được từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của luận án; chữ ký và họ tên của NCS; tên Trường

d) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có công trình đồng tác giả);

đ) Bản sao hợp lệ bảng điểm các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ, các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và chứng chỉ ngoại ngữ của NCS;

e) Bảng kê khai danh mục và sao chụp những bài báo và công trình công bố liên quan đến luận án của NCS.

g) Danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án;

3. Hồ sơ Khoa SĐH chuẩn bị

a) Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại các phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở, có chữ ký của Chủ tịch hội đồng và Thư ký;

b) Bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa của NCS sau mỗi phiên họp của Hội đồng, có chữ ký xác nhận và đồng ký của Chủ tịch Hội đồng, hai người phản biện luận án, những thành viên có ý kiến đề nghị bổ sung sửa chữa và Trưởng khoa SĐH.

c) Hai bản nhận xét của hai người phản biện độc lập.

4. Khoa SĐH thực hiện đăng tin bảo vệ luận án (trừ luận án bảo vệ theo chế độ mật) tại website Trường, ít nhất 10 ngày trước khi NCS ra bảo vệ Hội đồng cấp trường để những người có quan tâm tìm hiểu luận án và tham dự phiên bảo vệ.

5. Khoa SĐH tổ chức thực hiện trưng bày luận án và tóm tắt luận án ở phòng đọc của thư viện ít nhất 30 ngày trước ngày bảo vệ. K.SĐH thực hiện đăng tin toàn văn luận án, tóm tắt luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) và trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, luận điểm mới về khoa học và thực tiễn của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) trên trang web của cơ sở đào tạo và trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gửi đến địa chỉ duatin@moet.edu.vn) trước ngày bảo vệ 30 ngày, trừ các đề tài thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và các đề tài bảo vệ mật;

6. Các tài liệu khác theo quy định của Trường.

Điều 31. Phản biện độc lập

1. Yêu cầu về phản biện độc lập

a) Trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, Hiệu trưởng xin ý kiến của hai phản biện độc lập về luận án.

b) DS phản biện độc lập là tài liệu mật của Trường, Khoa SDH, người hướng dẫn và NCS không được tìm hiểu về phản biện độc lập

c) Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho NCS bảo vệ luận án cấp trường. Khuyến khích lấy ý kiến của phản biện độc lập ở nước ngoài nhất là đối với những luận án thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ.

2. Quy định chọn phản biện độc lập

a) Là nhà khoa học có học vị tiến sĩ hoặc PGS hoặc GS, am hiểu về lĩnh vực nghiên cứu của đề tài luận án;

b) Ít nhất có một phản biện độc lập là người ngoài trường.

3. Quy trình lựa chọn phản biện độc lập

a) Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của nhà trường và thỏa mãn Khoản 2 của Điều này;

b) Đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn và NCS không được tìm hiểu về phản biện độc lập;

c) Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

d) Hiệu trưởng quyết định danh sách 2 phản biện độc lập trên cơ sở tờ trình của Khoa Sau đại học;

đ) Khi cả 2 phản biện độc lập tán thành luận án, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường cho NCS. Khi có 1 phản biện độc lập không tán thành luận án, Hiệu trưởng gửi luận án xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ 3 tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ cấp trường;

e) Luận án bị trả về đánh giá lại cấp cơ sở nếu cả hai phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện thứ ba không tán thành khi luận án lấy ý kiến của phản biện thứ ba. Trường hợp này, luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở cấp cơ sở. NCS chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau 6 tháng và muộn nhất là 2 năm (24 tháng), kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

Điều 32. Đánh giá luận án cấp trường

1. Các quy định về Hội đồng đánh giá cấp trường

a) Hội đồng đánh giá luận án cấp trường gồm 7 thành viên, bao gồm những nhà khoa học:

- Có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ;
- Có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín chuyên môn, am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án;
- Có công trình liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của NCS công bố trong vòng 3 năm tính đến khi được mời tham gia Hội đồng.

b) Số thành viên Hội đồng có chức danh giáo sư, phó giáo sư ít nhất là 2 người; thành viên là tiến sĩ phải sau khi nhận bằng đủ 36 tháng tính đến ngày thành lập Hội đồng. Số thành viên thuộc trường không quá 3 người.

- c) Thành phần Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 3 người phản biện và các ủy viên.
- Mỗi thành viên chỉ đảm nhận một trách nhiệm trong Hội đồng;
 - Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, đúng chuyên ngành với luận án;
 - Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó.

- d) Các phản biện
- Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án;
 - Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của NCS, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; không sinh hoạt trong cùng đơn vị chuyên môn với NCS.

đ) Người hướng dẫn NCS; người có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với NCS không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

2. Quy trình thành lập Hội đồng đánh giá cấp trường

Căn cứ bản nhận xét của các phản biện độc lập, NCS sửa chữa, bổ sung luận án và hoàn thiện hồ sơ bảo vệ luận án cấp trường, gửi cho Khoa Sau đại học. Hồ sơ gồm: 1 quyển luận án, 2 bản tóm tắt luận án, 2 bản trang thông tin về những đóng góp mới của luận án, 2 bản giải trình các điểm sửa chữa, bổ sung theo ý kiến của phản biện độc lập có xác nhận của giảng viên hướng dẫn và một phiếu đăng ký bảo vệ cấp trường.

K.SDH gửi danh sách dự kiến Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, Hiệu trưởng lựa chọn và ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

3. Điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp trường

a) Thời gian, địa điểm bảo vệ luận án, tên đề tài luận án của nghiên cứu sinh đã được công bố công khai, rộng rãi trên trang web của Trường, trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trên bản tin của trường, trên báo Sài Gòn Giải Phóng hoặc báo Nhân Dân, trước ngày bảo vệ ít nhất 10 ngày;

b) Luận án, tóm tắt luận án, các công trình khoa học, trang thông tin những điểm mới của luận án đã được gửi đến các thành viên Hội đồng trước ngày bảo vệ ít nhất 30 ngày;

c) Có ít nhất 15 bản nhận xét tóm tắt luận án gửi đến K.SĐH trước ngày bảo vệ luận án ít nhất 15 ngày;

d) Luận án, tóm tắt luận án đã được trưng bày ở phòng đọc của Thư viện trường ít nhất 30 ngày trước ngày bảo vệ;

đ) Toàn văn luận án, tóm tắt luận án và trang thông tin những đóng góp mới (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) đã được đăng tải công khai trên trang web của trường và trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gửi đến địa chỉ duatin@moet.edu.vn) trước ngày bảo vệ 30 ngày;

e) Các thành viên Hội đồng phải có bản nhận xét về luận án. Văn bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng phải đánh giá đầy đủ, cụ thể về bố cục và hình thức của luận án; về nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, trong đó phải nêu bật được những luận điểm mới của luận án;

g) Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- Vắng mặt chủ tịch hội đồng;
- Vắng mặt thư ký hội đồng;
- Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên;
- Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Không đáp ứng được một trong các điều kiện quy định tại Khoản 3 của Điều này;
- Có hai nhận xét của thành viên Hội đồng không tán thành luận án. Trường hợp này luận án được xem là không đạt yêu cầu, không cần phải tổ chức bảo vệ luận án;

h) Hội đồng tự giải tán sau khi hoàn thành việc đánh giá.

4. Tổ chức bảo vệ luận án cấp trường:

a. Yêu cầu:

- Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai tại Trường;
- Việc bảo vệ luận án phải mang tính chất trao đổi học thuật, phải bảo đảm tính nguyên tắc và nêu cao đạo đức khoa học, qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước những thành viên trong Hội đồng và những người quan tâm. Mọi thành viên Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá;
- Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phân hỏi và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi. Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng;
- Trình tự buổi bảo vệ luận án thực hiện theo quy định của Trường tại Phụ lục 13.

b. Cách đánh giá luận án:

- Luận án đánh giá bằng cách bỏ phiếu kín;
- Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành;
- Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành;
- Luận án đạt yêu cầu khi có 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

5. Nghị quyết của Hội đồng về luận án

Hội đồng phải có nghị quyết về luận án, trong đó nêu rõ:

- a. Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng;
- b. Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới của luận án;
- c. Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án;
- d. Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án;
- đ. Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án;
- e. Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- g. Kiến nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho NCS.

6. Nghị quyết của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng thống nhất thông qua bằng biểu quyết công khai.

- Sau khi NCS hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo nghị quyết của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của NCS để lưu tại Trường và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

7. Những thay đổi khác:

a) Thay đổi thành viên Hội đồng

- Trong trường hợp cần thiết và chỉ vì lý do bất khả kháng (như thành viên Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các điều kiện yêu cầu theo quy định). Hiệu trưởng ra quyết định thay đổi thành viên Hội đồng;

- Các thời hạn quy định, liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

b) Trong vòng ba tháng kể từ ngày ký quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường cho NCS, nếu NCS chưa bảo vệ luận án:

- Hội đồng tự giải tán;

- Sau thời gian này, NCS có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

+ Các kết quả nghiên cứu vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học, được người hướng dẫn khoa học và Khoa đào tạo đồng ý;

+ Còn trong thời hạn 7 năm kể từ ngày ký Quyết định công nhận NCS.

- Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với nghiên cứu sinh bảo vệ luận án lần đầu.

Điều 33. Bảo vệ lại luận án

1. Nếu luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua thì nghiên cứu sinh được phép sửa chữa luận án và đề nghị bảo vệ lần thứ hai muộn nhất trước 2 năm kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất;

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án như Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất.

Nếu có thành viên vắng mặt, Hiệu trưởng bổ sung thành viên khác thay thế.

3. Không tổ chức bảo vệ luận án lần thứ ba.

4. Quá thời hạn 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất thì luận án không được đưa ra bảo vệ.

5. Trình tự tổ chức bảo vệ lại như bảo vệ lần đầu.

Hồ sơ đăng ký bảo vệ lại được quy định tại Phụ lục

Chương 6

THẨM ĐỊNH LUẬN ÁN VÀ HỒ SƠ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 34. Thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Vào tuần cuối của các tháng chẵn trong năm, Trường gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách nghiên cứu sinh bảo vệ luận án trong 2 tháng trước đó, kèm theo hồ sơ của từng nghiên cứu sinh bao gồm:

a) Bản sao quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và Hội đồng đánh giá luận án cấp trường hoặc viện;

b) Bản sao biên bản và nghị quyết của tất cả các phiên họp của các Hội đồng đánh giá luận án;

c) Bản sao nhận xét của các phản biện độc lập;

d) Trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

đ) Tóm tắt luận án.

2. Việc thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Thẩm định ngẫu nhiên: rút xác suất trong số hồ sơ luận án đã bảo vệ theo báo cáo của cơ sở đào tạo để thẩm định;

b) Khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

3. Số lượng hồ sơ, luận án được thẩm định không ít hơn 30% số luận án bảo vệ trong năm của cơ sở đào tạo. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ sở đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát báo cáo và có văn bản thông báo cho cơ sở đào tạo các trường hợp cần thẩm định và nội dung cần thẩm định của mỗi trường hợp.

4. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo:

a) Hồ sơ dự tuyển của nghiên cứu sinh;

b) Văn bản nhận xét đánh giá phân loại nghiên cứu sinh khi dự tuyển của Tiểu ban chuyên môn, bản tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Tiểu ban chuyên môn và kết quả xếp loại xét tuyển của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh theo quy định;

c) Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp trường của nghiên cứu sinh theo quy định;

d) Hồ sơ thực hiện quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập luận án của nghiên cứu sinh theo quy định và các bản nhận xét của phản biện độc lập;

đ) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 3 Điều 37 của Quy định này;

e) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Hồ sơ thẩm định nội dung, chất lượng luận án

a) Luận án tiến sĩ đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học và cơ sở đào tạo;

b) Tóm tắt luận án đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học và cơ sở đào tạo;

c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án trên các tạp chí khoa học chuyên ngành;

d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

6. Hồ sơ thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời gian không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thẩm định, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

7. Hồ sơ quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp quy định tại Quy chế này.

8. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến thẩm định độc lập của 3 nhà khoa học ở trong hoặc ngoài nước, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực. Chất lượng luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu có ít nhất 2 ý kiến tán thành.

9. Trường hợp có đơn, thư khiếu nại, tố cáo về nội dung, chất lượng luận án hoặc luận án có ít nhất 2 ý kiến thẩm định không tán thành, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, uỷ nhiệm Thủ trưởng cơ sở đào tạo có nghiên cứu sinh tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 35. Hội đồng thẩm định luận án

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 7 thành viên, trong đó có ít nhất 4 thành viên chưa tham gia hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở hay hội đồng đánh giá luận án cấp trường của luận án được thẩm định. Thành viên Hội đồng thẩm định là các nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư; có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ; am hiểu về đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; có công trình công bố về lĩnh vực của đề tài luận án trong 3 năm tính đến ngày thành lập hội đồng; có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực. Hội đồng có Chủ tịch Hội đồng, Thư ký và các ủy viên. Người hướng dẫn không được tham gia vào Hội đồng thẩm định luận án.

2. Trước khi họp Hội đồng thẩm định, các thành viên Hội đồng có bản nhận xét về tính cấp thiết của đề tài luận án, sự phù hợp với chuyên ngành; không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; những phát hiện, luận điểm mới của luận án; đánh giá thành công và hạn chế của luận án, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận án tiến sĩ.

3. Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 6 thành viên Hội đồng bao gồm Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có). Hội đồng thẩm định luận án có trách nhiệm xem xét, đánh giá nội dung và chất lượng luận án; làm rõ những nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo; nội dung nhận xét, kết luận của những người thẩm định độc lập luận án. Hội đồng phải có biên bản chi tiết các ý kiến thảo luận, trao đổi, kết luận và quyết nghị về nội dung, chất lượng luận án. Luận án đạt yêu cầu thẩm định khi có ít nhất 5 thành viên Hội đồng có mặt tán thành luận án.

4. Trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định, Hiệu trưởng tổ chức cuộc họp đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng chấm luận án cấp trường với sự

giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp ít nhất là 12 người, trong đó Chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt.

5. Hiệu trưởng trực tiếp điều hành cuộc họp, bầu thư ký. Thành viên của hai Hội đồng tranh luận về nội dung và chất lượng luận án, bỏ phiếu đánh giá lại luận án. Luận án đạt yêu cầu nếu có ít nhất 3/4 thành viên có mặt tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.

Điều 36. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu khi thẩm định nhưng có ý kiến của người thẩm định độc lập hoặc của Hội đồng thẩm định yêu cầu phải sửa chữa, thì Hội đồng đánh giá luận án cấp trường hoặc viện cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét và quyết định các điểm cần bổ sung chỉnh sửa. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp trường kiểm tra và xác nhận chi tiết những nội dung đã bổ sung chỉnh sửa, báo cáo Hiệu trưởng cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh theo các yêu cầu quy định tại Điều 37, 38 của Quy định này.

2. Đối với luận án không đạt yêu cầu thẩm định:

a) Trường hợp chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được sửa chữa, bổ sung và bảo vệ lại luận án theo quy định tại Điều 33 của Quy định này;

b) Trường hợp đã được cấp bằng tiến sĩ sẽ được xem xét xử lý theo pháp luật hiện hành đối với văn bằng đã được cấp;

3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo không đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng cơ sở đào tạo bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp phát hiện có vi phạm hành chính thì được chuyển xem xét xử lý theo quy định hiện hành về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

4. Trong thời gian không quá hai tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, Thủ trưởng cơ sở đào tạo có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này, cùng với báo cáo bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh của kỳ tiếp theo (nếu có) theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Quy định này.

5. Cơ sở đào tạo có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong năm sẽ bị dừng tuyển sinh ít nhất trong một năm kế tiếp; có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong hai năm liên tiếp sẽ bị dừng việc thành lập Hội đồng

đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ ít nhất trong một năm kế tiếp. Việc dừng các hoạt động này được thông báo công khai trên trang web của cơ sở đào tạo và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời gian bị dừng các hoạt động tuyển sinh, thành lập Hội đồng đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, cơ sở đào tạo phải có các giải pháp khắc phục, báo cáo kết quả với Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét việc cho phép tiếp tục tuyển sinh, tổ chức Hội đồng đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

Điều 37: Hoàn thiện hồ sơ cấp bằng tiến sĩ

1. Sau ngày bảo vệ cấp trường ít nhất là 3 tháng, nếu nghiên cứu sinh không bị khiếu nại tố cáo, không có tên trong danh sách cần thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng xem xét cấp bằng cho NCS theo quy trình và thủ tục quy định. Đối với những trường hợp cần thẩm định, việc xét cấp bằng tiến sĩ chỉ tiến hành sau khi có kết luận của Hiệu trưởng căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định. K.SĐH lập hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Đủ 3 tháng kể từ ngày bảo vệ thành công luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp trường hoặc viện;

b) Đã chỉnh sửa, bổ sung những nội dung trong luận án theo nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường hoặc viện, đã được Chủ tịch Hội đồng kiểm tra và xác nhận, kể cả trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 36 của Quy định này (nếu có);

c) Nghiên cứu sinh không có tên trong danh sách thẩm định luận án theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 34 của Quy định này. Nếu là trường hợp cần thẩm định thì phải đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 34, khoản 3 Điều 35 của Quy định này;

d) Nghiên cứu sinh đã nộp cho các thư viện một bản luận án, một bản tóm tắt luận án, một đĩa CD ghi toàn văn luận án và tóm tắt luận án (bao gồm cả trang bìa), kể cả các luận án bảo vệ theo chế độ mật và các luận án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

2. Trước khi họp Hội đồng xét tốt nghiệp cấp bằng Tiến sĩ, nghiên cứu sinh phải nộp cho K.SĐH, Thư viện của Trường và Thư viện Quốc gia Việt Nam một bản luận án, một bản tóm tắt luận án, một đĩa CD ghi toàn văn luận án và tóm tắt luận án (bao gồm cả trang bìa), kể cả các luận án bảo vệ theo chế độ mật và các luận án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

3. Hồ sơ xét cấp bằng Tiến sĩ của nghiên cứu sinh do K.SĐH chuẩn bị bao gồm:

a) Biên bản chi tiết diễn biến của buổi bảo vệ luận án, câu hỏi của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án và những người tham dự, trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi;

b) Nghị quyết của Hội đồng;

c) Các bản nhận xét của tất cả các thành viên của Hội đồng, của các cơ quan và các nhà khoa học gửi tới Hội đồng;

d) Biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá;

đ) Bản nhận xét, đánh giá của tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh;

e) Danh sách Hội đồng có chữ ký của các thành viên tham dự buổi bảo vệ;

g) Giấy biên nhận luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;

h) Tờ báo đăng tin hay bản sao chụp bản tin đăng báo ngày bảo vệ;

i) Bản in trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án trên trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

k) Quyết định công nhận NCS, Quyết định thay đổi trong quá trình đào tạo;

l) Quyết định Hội đồng cấp cơ sở và biên bản của Hội đồng. Hồ sơ này phải được lưu trữ lâu dài tại Trường.

Điều 38: Cấp bằng Tiến sĩ

1. Hồ sơ bảo vệ luận án được đưa ra xem xét tiến hành các thủ tục cấp bằng tiến sĩ bao gồm hồ sơ của các luận án không phải thẩm định và hồ sơ của các luận án đã đạt yêu cầu thẩm định theo quy định.

2. Hồ sơ cấp bằng tiến sĩ như khoản 3 Điều 37 của Quy định này.

3. Căn cứ hồ sơ cấp bằng tiến sĩ, Hội đồng xét tốt nghiệp của Trường tổ chức họp định kỳ 2 lần/năm để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sĩ và Hiệu trưởng ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Chương 7

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 39. Khiếu nại, tố cáo

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và người bảo vệ luận án có thể khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong quá trình tuyển sinh, đào tạo, thực hiện luận án, tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án, trong thời gian hai tháng kể từ ngày bảo vệ.

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

Trường hợp cần thẩm định hồ sơ, luận án trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo thì hồ sơ thẩm định, trình tự thẩm định thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 9 Điều 34 và Điều 35 của Quy định này.

Điều 40. Thanh tra, kiểm tra

Hàng năm, Phòng Thanh tra thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của các cơ sở đào tạo theo các quy định hiện hành. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo; chương trình và quy trình đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp; việc cấp bằng tiến sĩ; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Điều 41. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện đã có những vi phạm, gian lận trong hồ sơ dự tuyển, trong quá trình dự tuyển, dự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập nghiên cứu, trong quá trình thực hiện và bảo vệ luận án thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến thu hồi văn bằng đã được cấp hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Nghiên cứu sinh vi phạm các quy định tại khoản 5, 8 Điều 24 của Quy định này sẽ bị xử lý từ khiển trách, cảnh cáo đến hủy bỏ kết quả học tập, hủy bỏ quyền được bảo vệ luận án. Nếu thông tin về người phản biện độc lập bị tiết lộ thì những người liên quan đến quá trình gửi luận án đi xin ý kiến phản biện độc lập bị xem xét kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến buộc thôi việc.

3. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh vi phạm các quy định tại Điều 22, Điều 23 của Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo các hình thức: không được nhận thêm nghiên cứu sinh mới, không được tiếp tục hướng dẫn nghiên cứu sinh hiện tại hoặc không được nhận nghiên cứu sinh mới trong 3 năm tiếp theo.

Chương 8
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 42: Tổ chức thực hiện:

- Quy định này được áp dụng từ khóa năm 2015 trở đi.


TS. Lâm Thành Hiền